

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ
GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ
GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hà Nội - Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED, tên viết tắt là: TEDI.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức bao gồm:
 - Cổ đông chiến lược trong nước, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 30,11%;
 - Cổ đông chiến lược nước ngoài, Công ty Oriental Consultants Company Limited (OC) nắm giữ 19,75%;
 - Công đoàn Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%
- Cổ đông là các cá nhân nắm giữ 41,36% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Doãn Toàn	Chủ tịch (01/01/2016-30/04/2016)
	Ông Hitoshi Yahagi	Thành viên (26/04/2016-16/5/2016)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch (16/5/2016-31/12/2016)
	Ông Phạm Việt Khoa	Thành viên
	Ông Yoshiki Miyazaki	Thành viên
	Ông Đỗ Minh Dũng	Thành viên (01/01/2016-26/04/2016)
	Ông Đỗ Minh Dũng	Thành viên
Ban kiểm soát	Ông Phạm Hữu Sơn	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Dịch	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lương Phương Hợp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trung Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ban kiểm soát	Ông Đỗ Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Nam Hà	Trưởng ban kiểm soát (01/01/2016-26/04/2016)
	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS (26/04/2016-31/12/2016)
Kế toán Tổng Công ty	Bà Trần Nguyệt Anh	Trưởng ban kiểm soát (26/04/2016-31/12/2016)
	Ông Võ Hoàng Anh	Thành viên (01/01/2016-26/04/2016)
	Bà Nguyễn Thị Thái Trân	Thành viên
		Kế toán trưởng

Số: 108/2017/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừChi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật, giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được ghi nhận sau khi ước tính giá vốn trên cơ sở lợi nhuận kế hoạch được giao và phân bổ một cách tương đối đối với từng hợp đồng đang thực hiện.

Quản lý theo dõi công nợ và trích lập dự phòng

Số dư công nợ tại một số đơn vị thuộc Tổng Công ty chưa được đánh giá lại khả năng thu hồi để thực hiện trích lập dự phòng bổ sung, cụ thể:

- Tại thời điểm 31/12/2016, số dư phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật là 7.920.741.829 đồng, trong đó có nợ phải thu của một số khách hàng không biến động từ những năm trước đến thời điểm kiểm toán là 1.393.997.947 đồng, các công trình này cũng chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai trong thời gian tới. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 41.851.500 đồng (cho số nợ phải thu là 72.435.000 đồng). Căn cứ vào tuổi nợ của số dư trên, Công ty chưa thực hiện trích lập bổ sung chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm ổn định cân bằng tài chính khi có khoản nợ không có khả năng thu hồi.
- Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm: Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 là 36.857.183.467 đồng, trong đó số nợ phải thu của khách hàng có thời hạn trên 3 năm là 9.998.187.150 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1.593.690.000 đồng (cho số nợ phải thu là 2.276.702.279 đồng), số dư nợ có thời gian trên 3 năm còn lại là 7.721.484.871 đồng của Công ty không được chủ đầu tư xác nhận công nợ làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi công nợ, tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công nợ phải thu, phải trả nội bộ

Các khoản công nợ phải thu phải trả nội bộ giữa Tổng Công ty và các Công ty con; giữa các Công ty con với nhau chưa được bù trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 1.878.727.274 đồng.

Doanh thu, chi phí nội bộ

Trong năm phát sinh các khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí ghi nhận của các giao dịch mua bán giữa Tổng Công ty và các Công ty con trong Tổng Công ty dẫn đến số liệu doanh thu và chi phí chưa được bù trừ hết trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 0147-2015-137-1

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 2980-2015-137-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		722.893.904.157	736.940.797.066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	193.152.512.305	188.275.009.803
1. Tiền	111		105.361.636.132	99.024.382.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.790.876.173	89.250.627.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	28.000.000.000	22.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		28.000.000.000	22.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.511.667.005	265.358.530.565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		191.235.399.641	181.871.562.028
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.342.474.185	43.082.913.512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4.426.393.720	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.03	46.986.063.441	56.355.762.774
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.478.663.982)	(15.951.707.749)
IV. Hàng tồn kho	140		240.845.322.616	260.210.103.470
1. Hàng tồn kho	141	5.04	240.845.322.616	260.210.103.470
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		384.402.231	1.097.153.228
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.185.000	29.045.455
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.05	372.217.231	1.068.107.773
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.378.653.492	93.955.162.421
I. Tài sản cố định	220		77.459.621.430	80.033.831.232
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	74.543.469.685	78.410.374.490
- Nguyên giá	222		215.050.277.100	214.477.865.142
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.506.807.415)	(136.067.490.652)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.07	2.916.151.745	1.623.456.742
- Nguyên giá	228		10.900.712.076	8.922.601.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.984.560.331)	(7.299.145.198)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		849.090.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		849.090.909	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.08	2.078.401.162	1.846.329.618
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.078.401.162	1.846.329.618
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.991.539.991	12.075.001.571
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	9.954.582.580	12.075.001.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		36.957.411	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		813.272.557.649	830.895.959.487



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		574.190.502.366	598.284.768.470
I. Nợ ngắn hạn	310		572.288.362.130	596.625.790.940
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		31.265.072.204	32.665.071.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		353.690.859.422	393.232.486.322
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.05	19.666.374.426	15.733.576.896
4. Phải trả người lao động	314		91.539.697.498	94.206.998.674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		29.736.278.882	13.845.388.831
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	28.531.910.786	30.049.138.551
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	9.433.540.065	8.197.164.309
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.424.628.847	8.695.965.945
II. Nợ dài hạn	330		1.902.140.236	1.658.977.530
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		377.181.818	280.878.500
2. Phải trả dài hạn khác	337		869.967.100	798.971.100
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		304.000.000	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		350.991.318	579.127.930
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239.082.055.283	232.611.191.017
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	239.082.055.283	232.611.191.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		15.167.670.000	15.167.780.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(861.224.000)	(441.224.000)
4. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(10.021.589.335)	(10.021.589.335)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		660.778	660.778
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.696.532.564	38.689.574.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.780.840.827	1.361.612.952
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.915.691.737	37.327.961.287
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.13	67.100.005.276	64.215.989.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		813.272.557.649	830.895.959.487

Người lập biểu



Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Trân

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc




Phạm Hữu Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	890.202.546.820	873.506.102.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	4.342.900.312	1.107.827.316
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		885.859.646.508	872.398.275.395
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	685.507.513.292	677.025.515.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.352.133.216	195.372.760.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	14.121.023.200	14.404.251.152
7. Chi phí tài chính	22	6.05	1.098.973.155	748.052.603
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		848.205.547	702.594.769
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		819.556.842	587.485.298
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		142.423.488.340	140.957.695.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.770.251.763	68.658.747.991
11. Thu nhập khác	31		1.384.703.823	897.369.724
12. Chi phí khác	32		927.590.699	714.614.189
13. Lợi nhuận khác	40		457.113.124	182.755.535
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.227.364.887	68.841.503.526
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.06	13.535.335.198	13.850.876.734
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(36.957.411)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.728.987.100	54.990.626.792
18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	61		45.489.058.480	43.302.595.377
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		13.239.928.620	11.688.031.415
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.07	2.758	2.709

Người lập biểu



Tang Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Trân

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc




Phạm Hữu Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016
			VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.227.364.887
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.124.731.896
- Các khoản dự phòng	03		526.956.233
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(60.273.709)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.121.023.200)
- Chi phí lãi vay	06		848.205.547
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.545.961.654
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.130.634.911
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.364.780.854
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.634.641.860
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.137.279.446
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(758.803.859)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(13.424.144.130)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(67.221.251.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.409.098.857
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.961.558.611)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.177.067.123
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(45.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		34.410.734.463
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		27.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.679.454.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.594.302.571)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(319.500.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		38.257.194.933
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(37.058.819.177)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.876.443.249)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(26.997.567.493)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		4.817.228.793
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	188.275.009.803
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		60.273.709
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	193.152.512.305

Ghi chú: Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay không thể hiện số năm trước do Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2015 đang trình bày theo phương pháp trực tiếp nên không phù hợp để làm cơ sở số liệu so sánh.

Người lập biểu



Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Trân

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017
 Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Sơn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 4898/QĐ-TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động với tên gọi Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải.

Theo Quyết định số 782/QĐ-BGTVT ngày 09/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải được chuyển đổi thành Công ty mẹ trên cơ sở tổ chức lại bao gồm Cơ quan Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc là Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Trong năm 2014, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Tên giao dịch quốc tế: **TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED**

Tên giao dịch viết tắt: **TEDI**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4).38514431

Fax: (84-4).38514980

E-mail: tedi@tedi.com.vn

Website: www.tedi.com.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, là vốn của các cổ đông. Từ ngày 18 tháng 5 năm 2016 Tổng công ty không còn vốn nhà nước.

- Cổ đông tổ chức: Cổ đông chiến lược trong nước Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 30,11%;
- Cổ đông Tổ chức: Cổ đông chiến lược nước ngoài Công ty Oriental Consultants Company Limited (OC) nắm giữ 19,75%;
- Cổ đông tổ chức: Công đoàn Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%.
- Cổ đông cá nhân: Các cổ đông cá nhân nắm giữ 41,36% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Từ ngày 03 tháng 6 năm 2014, sau khi hoàn thành cổ phần hóa Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi thì ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP bao gồm:

1. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Chi tiết:

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Kiểm định chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.
2. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

- Khảo sát giao thông, phân tích và lập hồ sơ dự báo giao thông vận tải; khảo sát, lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyên gia công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

- Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
- Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
- Thiết kế công trình đường sắt, đường bộ.
- Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình.
- Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
- Khảo sát thủy văn môi trường.
- Thiết kế lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng công trình giao thông.
- Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Thiết kế phương tiện vận tải đường sắt
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình xây dựng
- Đầu tư, quản lý, kinh doanh khai thác các dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.



- Tư vấn lập hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng và tái định cư, kế hoạch quản lý môi trường, kế hoạch hành động tái định cư; báo cáo xã hội, báo cáo dân tộc không kiểm soát của các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn thẩm tra sự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn giám sát đầu tư, tư vấn giám sát nhà nước, tư vấn giám sát và quan trắc môi trường.
 - Tư vấn đánh giá và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.
4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
5. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Chi tiết: Khai thác, quản lý, vận hành các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình công nghiệp, dân dụng.
6. In ấn.
7. Dịch vụ đóng gói: Đóng gói hồ sơ tài liệu
8. Dịch vụ ăn uống khác.
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
10. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân bổ vào đâu.
Chi tiết:

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Tổng Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty CP TVTK Cầu Đường	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	50,96%	50,96%
Công ty CP TVTK Đường Bộ	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%	51,00%
Công ty CP TVXD Cảng - Đường thủy	Tư vấn xây dựng các công trình Cảng - Đường thủy	51,00%	51,00%
Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	51,32%	51,32%
Công ty CP TVTK Cầu lớn - Hầm	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%	51,00%

Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP TVTK XD Giao thông thủy	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,60%	51,60%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 2	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%	51,00%
Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%	51,00%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 5	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%	51,00%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 7	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	59,00%	59,00%
Công ty liên kết			
Công ty APECO	Thiết kế, quản lý xây dựng và các dịch vụ liên quan khác	25,00%	25,00%
Đơn vị trực thuộc			
Công ty TVTK Kiến trúc Xây dựng	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông		
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông		

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty kiểm soát được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong năm tài chính được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày 31/12/2016.

- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng BIDV	22.270 VND/USD	22.790 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.